

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai

đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-DT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính; Bộ KH và ĐT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.



Hồ Quốc Dũng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
(kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là *các sở, ban, ngành và địa phương*).
2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ*) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Phân bổ vốn cần bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm đúng đối

[Handwritten signature]

tượng, đúng nội dung, không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

5. Ngân sách trung ương phân bổ vốn kế hoạch hằng năm cho các địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

6. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm

1. Tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn về nội dung này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành và địa phương tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và báo cáo Ủy ban Dân tộc theo quy định.

3. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các địa phương giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.



CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Định mức và phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ thực hiện Chương trình

1. Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách (gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng sở, ban, ngành và từng huyện được tổng hợp từ vốn phân bổ theo tỷ lệ %, tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung được quy định từ Điều 6 đến Điều 15 của Quy định này.

2. Tổng số vốn phân bổ cho huyện thứ k (T_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của địa phương đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i

$$(i = \overline{1, n})$$

- k là huyện thứ k

$$(k = \overline{1, 5})$$

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của địa phương (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho địa phương thứ k.

- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của địa phương thứ k.

- Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

G_i : Vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

Điều 6. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:



TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	$0,4 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	$0,4 \times b$
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	$0,225 \times c$
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	$30 \times d$
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện được tổng hợp, rà soát.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành và hội đoàn thể tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	$0,1 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	$0,03 \times b$
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, được tổng hợp, rà soát.

Điều 7. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng	10
2	Đối với dự án có quy mô vốn đầu tư trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu được tính thêm	01
Tổng cộng điểm		$X_{k,i}$

Nhu cầu, quy mô vốn đầu tư của từng dự án thực tế của các huyện được tổng hợp, rà soát.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

Phạm Minh

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Đối với dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	Tổng cộng điểm	$X_{k,i}$

Nhu cầu, quy mô vốn sự nghiệp của từng dự án thực tế của các huyện được tổng hợp, rà soát.

Điều 8. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 30% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu Dự án;

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	0,004 X a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	0,004 X b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	0,016 X c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	0,1 X d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	0,3 X đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 X e
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

- Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng được liệu quý	290	a	$290 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng a căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp, rà soát.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không;

+ Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn/làng ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	$28 \times a$
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	$5 \times b$
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

Nhóm tiêu chí ưu tiên

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	$0,15 \times a$
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

Số lượng (a, b) được xác định: xã ĐBKK xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn

ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

- Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý không quá 10% tổng vốn phân bổ cho Tiểu dự án 2, cụ thể:

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không;

+ Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng được liệu quý	310	a	310 X a
Tổng cộng điểm (1+2)				$X_{k,i}$

- Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không quá 20% tổng vốn phân bổ cho Tiểu dự án 2, cụ thể:

+ Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh không quá 25%; phân bổ cho Sở Công Thương không quá 20%; phân bổ cho Liên minh Hợp tác xã không quá 5%; phân bổ cho Tỉnh đoàn không quá 5%, phân bổ cho Hội Nông dân tỉnh không quá 5% của Nội dung 3;

+ Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn/làng ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 X a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 X b
Tổng cộng điểm				$A_{k,i}$

Nhóm tiêu chí ưu tiên

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 X a
Tổng cộng điểm				$B_{k,i}$

Số lượng (a, b) được xác định: xã ĐBKK xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh

Đạt

sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

Điều 9. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Tiểu Dự án 1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn/làng ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 X a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	15	b	15 X b
3	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	c	16 X c
4	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	d	40 X d
5	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	đ	8 X đ
6	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	e	44 X e
7	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	f	8 X f
Tổng cộng điểm				$A_{k,i}$

Nhóm tiêu chí ưu tiên

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	0,3 X a
Tổng cộng điểm				$B_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, f) được xác định: xã ĐBKk được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKk không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg. Số km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa, trạm y tế xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp, rà soát.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKk, thôn/làng ĐBKk

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKk (xã khu vực III)	9	a	9 X a
2	Mỗi thôn ĐBKk không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKk được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	b	1,8 X b
3	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	c	2,5 X c
Tổng cộng điểm				$A_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKk	0,03	a	0,03 X a
Tổng cộng điểm				$B_{k,i}$

Số lượng (a, b, c) được xác định: xã ĐBKk được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKk không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã ĐBKk thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; số liệu về hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp, rà soát.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

Điều 10. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 30% tổng số vốn đầu tư của Tiểu dự án 1;

- Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 X a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 X b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 X c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 X d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 X đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 X e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	f	4,5 X f
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	g	3,759 X g
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	h	2 X h
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, f, g, h) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, được tổng hợp, rà soát.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo 100% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1;

- Phân bổ vốn cho các huyện: Không.

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc bằng 80% tổng vốn phân bổ cho Tiểu dự án 2, cụ thể:

+ Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh 100% tổng số vốn sự nghiệp của Nội dung 1;

+ Phân bổ cho các huyện: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học bằng 20% tổng vốn phân bổ cho Tiểu dự án 2, cụ thể:

+ Phân bổ cho các sở, ban, ngành: Không;

+ Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đào tạo đại học	1,6	a	1,6 X a
2	Mỗi huyện đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ	16,5	b	16,5 X b
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Xã ĐBKĐ được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có), huyện thụ hưởng chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan (trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) không quá 60% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 3;

- Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 X a
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đã được tổng hợp, rà soát.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh 100% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 4;
- Phân bổ cho các huyện: Không.

Điều 11. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ cho Sở Văn hoá và Thể thao và Sở Du lịch không quá 30% tổng số vốn đầu tư của Dự án, trong đó Sở Văn hoá và Thể thao không quá 25%, Sở Du lịch không quá 5% để hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu.	7	a	7 X a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.	60	b	60 X b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2	c	2 X c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.	60	d	60 X d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	đ	60 X đ
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d, đ) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đã được tổng hợp, rà soát.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho Sở Văn hoá và Thể thao và Sở Du lịch không quá 30% tổng số vốn sự nghiệp của Dự án, trong đó Sở Văn hoá và Thể thao không quá 25%, Sở Du lịch không quá 5%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10	a	10 X a
2	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số...)	3,5	b	3,5 X b
3	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	c	0,6 X c
4	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...)	2	d	2 X d
5	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	đ	0,5 X đ
6	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	e	20 X e
7	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	g	10 X g
8	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	h	3 X h
9	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	i	0,3 X i
10	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	k	0,3 X k
11	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	l	5 X l
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đã được tổng hợp, rà soát.

Đạt

Điều 12. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo	300	a	$300 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đã được tổng hợp, rà soát.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho Sở Y tế không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	$50 \times a$
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	$30 \times b$
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	$15 \times c$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c) xã khu vực III, II, I được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 13. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 30% tổng số vốn sự nghiệp của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	2	b	2 x b
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) được xác định theo: xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 14. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù

1. Tiêu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không;

- Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 X a
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư (a) căn cứ số liệu tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1227/QĐ-TTg.

2. Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh không quá 30% tổng số vốn sự nghiệp Tiêu dự án 2;

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 X a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 X b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 X c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 X d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 X đ
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của huyện căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng Kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

Xã khu vực I, II, III (b, c, d) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, khu vực II của huyện được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 15. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

1. Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tư pháp và Sở Thông tin và Truyền thông không quá 45% tổng số vốn sự nghiệp của Tiêu dự án 1. Trong đó, Ban Dân tộc tỉnh không quá 35%, Sở Tư pháp không quá 05%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 05%;

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 X a
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Số lượng (a) xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh và Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 30% tổng số vốn đầu tư của Tiểu dự án 2. Trong đó, Ban Dân tộc tỉnh không quá 20%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 10%;

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 X a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 X b
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) được xác định theo: xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

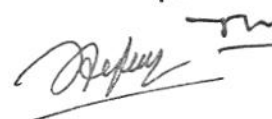
- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2. Trong đó, Ban Dân tộc tỉnh không quá 20%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 15%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 15%;

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) được xác định theo: xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực



hiện Chương trình

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 60% tổng số vốn sự nghiệp Tiểu dự án. Trong đó: Ban Dân tộc không quá 26%; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hoá - Thể thao, Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh mỗi đơn vị không quá 03%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 04%; Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Công Thương mỗi Sở không quá 02%; Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh mỗi đơn vị không quá 1,5%;

- Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Xã khu vực III, II, I (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 16. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình và thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này, cụ thể như sau:

a) Đối với nguồn vốn của Chương trình giao cho các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện: Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

b) Đối với nguồn vốn của Chương trình giao cho các huyện tổ chức thực hiện.

- Đối với huyện miền núi: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 90% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình; ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 10% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình;

- Đối với các huyện còn lại: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 70% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình; ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 30% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

2. Các địa phương bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đối với các địa phương không bố trí đủ vốn đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch năm sau sẽ trừ tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của địa phương.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Khi các văn bản dẫn chiếu để quy định về chế độ, định mức chi tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trong quá trình tổ chức, thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

